

TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH

Họ tên HS:

Lớp:

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II

MÔN: TOÁN 6

Năm học: 2015 – 2016

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Học sinh cần nắm vững các nội dung sau

I. Số học

- Các công thức biến đổi lũy thừa với số mũ tự nhiên
- Các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia số nguyên
- Các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân số
- Quy tắc chuyển vế, quy tắc dấu ngoặc
- Bài toán cơ bản về phân số.

II. Hình học

- Nửa mặt phẳng
- Góc, số đo góc, vẽ góc khi biết số đo, cộng góc
- Các loại góc: góc vuông, nhọn, tù, bẹt
- Các cặp góc: phụ nhau, bù nhau, kề nhau, kề bù
- Tia phân giác của góc
- Tam giác
- Đường tròn

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 1: Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $4\frac{1}{3} \cdot \frac{4}{9} + 13\frac{2}{3} \cdot \frac{4}{9}$

f) $\frac{2}{5} \cdot \frac{1}{3} - \frac{2}{15} : \frac{1}{5} + \frac{3}{5} \cdot \frac{1}{3}$

m) $(-2)^3 \cdot \left(\frac{3}{4} - 0,25\right) : \left(2\frac{1}{4} - 1\frac{1}{6}\right)$

b) $5\frac{1}{4} \cdot \frac{3}{8} + 10\frac{3}{4} \cdot \frac{3}{8}$

g) $\frac{5}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11}$

n) $125\% \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2 : \left(1\frac{5}{16} - 1,5\right) + 2016^0$

c) $6\frac{1}{5} \cdot \left(-\frac{2}{7}\right) + 14\frac{4}{5} \cdot \left(-\frac{2}{7}\right)$

h) $\frac{18}{37} + \frac{8}{24} + \frac{19}{37} - 1\frac{23}{24} + \frac{2}{3}$

p) $(-2)^3 \cdot \frac{1}{24} + \left(\frac{4}{3} - 1\frac{5}{6}\right) : \frac{5}{12}$

d) $7\frac{1}{6} \cdot \left(-\frac{7}{6}\right) + 10\frac{5}{6} \cdot \left(-\frac{7}{6}\right)$

i) $\left(3\frac{1}{3} + 2,5\right) : \left(3\frac{1}{6} - 4\frac{1}{5}\right) - \frac{11}{31}$

e) $19\frac{5}{8} : \frac{7}{12} - 15\frac{1}{4} : \frac{7}{12}$

k) $1\frac{13}{15} \cdot (0,5)^2 \cdot 3 + \left(\frac{18}{25} - 1\frac{19}{60}\right) : 1\frac{23}{24}$

Bài 2: Tìm x, y biết

$$a) \frac{1}{6}x - \frac{3}{8} = \frac{1}{4}$$

$$g) \frac{x}{7} = \frac{-6}{21}$$

$$m) \left(-0,6x - \frac{1}{2} \right) \cdot \frac{3}{4} - (-1) = \frac{1}{3}$$

$$b) 1\frac{2}{9}x + \frac{8}{3} = -\frac{2}{3}$$

$$h) x : \frac{3}{4} + \frac{1}{4} = -\frac{2}{3}$$

$$n) (3x - 1) \left(-\frac{1}{2}x + 5 \right) = 0$$

$$c) \frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = -3$$

$$i) \frac{1}{3}x + \frac{2}{5}(x - 1) = 0$$

$$o) \frac{1}{4} + \frac{1}{3} : (2x - 1) = -5$$

$$d) 3\frac{2}{7}x - \frac{1}{8} = 2\frac{3}{4}$$

$$j) 2 \left| \frac{1}{2}x - \frac{1}{3} \right| - \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$$

$$p) \left(2x + \frac{3}{5} \right)^2 - \frac{9}{25} = 0$$

$$e) 4\frac{2}{3} : x = 4\frac{4}{9} + 1$$

$$k) \frac{3}{4} - 2 \left| 2x - \frac{2}{3} \right| = 2$$

$$q) 3 \left(3x - \frac{1}{2} \right)^3 + \frac{1}{9} = 0$$

$$f) \frac{x}{2} - \frac{11}{5} = \frac{7}{8} \cdot \frac{64}{49}$$

$$l) \frac{-2}{3} - \frac{1}{3}(2x - 5) = \frac{3}{2}$$

$$r) 60\%x + \frac{2}{3}x = \frac{1}{3} \cdot 6\frac{1}{3}$$

Bài 3: Cho hai tia Oz, Oy cùng trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, $\widehat{xOy} = 50^\circ$, $\widehat{xOz} = 130^\circ$

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc $\widehat{yOz}$
- Vẽ tia Oa là tia đối của tia Oz. Tia Ox có phải là tia phân giác của $\widehat{yOa}$ không? Vì sao?

Bài 4: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy và Ot sao cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$, $\widehat{xOt} = 120^\circ$

- Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại? vì sao?
- Tính góc $\widehat{yOt}$
- Chứng tỏ tia Oy là tia phân giác $\widehat{xOt}$

Bài 5: Cho hai tia Oy, Ox cùng nằm trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, $\widehat{xOy} = 40^\circ$, $\widehat{xOz} = 150^\circ$

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc $\widehat{yOz}$
- Vẽ tia phân giác Om của $\widehat{xOy}$, vẽ tia phân giác On của $\widehat{yOz}$. Tính số đo góc $\widehat{mOn}$?

Bài 6: Cho hai tia Oz, Oy cùng nằm trên nửa mặt phẳng bờ Ox, biết $\widehat{xOy} = 50^\circ$, $\widehat{xOz} = 130^\circ$

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc $\widehat{yOz}$
- Vẽ tia Oa là tia đối của tia Oz. Tia Ox có phải là tia phân giác của $\widehat{yOa}$ không? Vì sao?

Bài 7: Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Vẽ tia Oz là tia đối của tia Ox. Vẽ tia Om là tia phân giác của $\widehat{xOy}$, On là tia phân giác của $\widehat{yOz}$

- Tính $\widehat{xOm}$
- Tính $\widehat{mOn}$?

Bài 8: Cho góc bẹt xOy. Một tia Oz thỏa mãn $\widehat{zOy} = \frac{2}{3}\widehat{zOx}$. Gọi Om, On lần lượt là tia phân giác của $\widehat{zOx}, \widehat{zOy}$

- Tính $\widehat{zOx}, \widehat{zOy}$
- $\widehat{zOm}, \widehat{zOn}$ có là hai góc phụ nhau không? Vì sao?

Bài 9: Trên cùng nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox. Vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $\widehat{xOy} = 100^\circ$, $\widehat{xOz} = 20^\circ$

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Vẽ tia Om là tia phân giác của $\widehat{yOz}$. Tính góc $\widehat{xOm}$

Bài 10: Cho $\widehat{eOD} = 80^\circ$. Vẽ tia OE nằm giữa hai tia OC và OD sao cho $\widehat{eOE} = 60^\circ$. Vẽ tia phân giác OF của $\widehat{eOD}$.

- Tính $\widehat{eOF}$
- Chứng minh rằng OE là tia phân giác của $\widehat{BOF}$

Bài 11: Vẽ tam giác ABC biết

- $AB = 3\text{cm}, BC = 5\text{cm}, AC = 4\text{cm}$. Đo và cho biết số đo của góc A
- $AB = 6\text{cm}, BC = 7\text{cm}, AC = 8\text{cm}$

Bài 12: Cho đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$. Vẽ đường tròn (A; 3cm) và đường tròn (B; 4cm). Gọi C là giao điểm của hai đường tròn đó.

- a) Nối A, B, C. Tính chu vi tam giác ABC
- b) Dùng thước đo góc xác định số đo các góc của ΔABC

CHÚC CÁC CON ÔN TẬP TỐT VÀ LÀM BÀI KIỂM TRA ĐẠT KẾT QUẢ CAO